

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIÊN HÙNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *KHS-COM-OD41/2022*
V/v công bố giải trình báo cáo tài chính hợp
nhất quý III năm 2022

Kiên Giang, ngày 17 tháng 10 năm 2022

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**

- Mã chứng khoán: KHS

- Địa chỉ: Lô B4-B5, đường số 1, Khu Công nghiệp Thanh Lộc, xã Thanh Lộc,
Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang

- Điện thoại liên hệ: 02973 838009 Fax:

- E-mail: info@kihuseavn.com

- Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Ngọc Anh**

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24h Theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố:

- Giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2022

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/10/2022
tại đường dẫn: www.kihuseavn.com

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* **Tài liệu đính kèm:**

GT Báo cáo tài chính hợp nhất quý III năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người UQ CBTT



Nguyễn Ngọc Anh

CTY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Số: 11 /2022/KH-CBTT

V/v: Giải trình về kết quả kinh doanh theo
BCTC hợp nhất Quý 3/2022

Kiên Giang, ngày 12 tháng 10 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hà Nội

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN KIÊN HÙNG**
- Mã chứng khoán: **KHS**
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô B4 - B5, đường số 1, KCN Thanh Lộc, Xã Thanh Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
- Điện thoại: (0297) 3838009 Fax:
- Người thực hiện công bố thông tin: **NGUYỄN NGỌC ANH**
- Điện thoại (cơ quan): (0297) 3838009 Fax:
- Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Giải trình về số liệu kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3 năm 2022, chênh lệch từ 10% so với cùng kỳ. Cụ thể như sau:

Bảng so sánh lợi nhuận hợp nhất Quý 3 năm 2022 và Quý 3 năm 2021:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 3/2022	Quý 3/2021		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	243,453,922,382	192,350,149,614	51,103,772,768	26.57
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19,347,758	285,893,858	(266,546,100)	(93.23)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	243,434,574,624	192,064,255,756	51,370,318,868	26.75
4. Giá vốn hàng bán	11	215,934,433,526	168,313,993,428	47,620,440,098	28.29
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	27,500,141,098	23,750,262,328	3,749,878,770	15.79
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1,276,605,141	1,638,043,988	(361,438,847)	(22.07)
7. Chi phí tài chính	22	3,616,311,495	3,816,062,646	(199,751,151)	(5.23)
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23	3,567,745,375	3,772,579,396	(204,834,021)	(5.43)
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	9,127,802,475	7,266,582,271	1,861,220,204	25.61



10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5,458,089,193	4,982,643,345	475,445,848	9.54
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	10,574,543,076	9,323,018,054	1,251,525,022	13.42
12. Thu nhập khác	31	1,650,000,000	19,676,364	1,630,323,636	8,285.70
13. Chi phí khác	32	2,948,036,609	1,352,340,385	1,595,696,224	118.00
14. Lợi nhuận khác	40	(1,298,036,609)	(1,332,664,021)	34,627,412	(2.60)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	9,276,506,467	7,990,354,033	1,286,152,434	16.10
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24,768,249	24,768,249	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(24,768,249)	(24,768,249)	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	9,276,506,467	7,990,354,033	1,286,152,434	16.10
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	9,019,565,457	10,013,719,876	(994,154,419)	(9.93)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	256,941,010	(2,023,365,843)	2,280,306,853	112.70
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	671	762	(91)	(11.94)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	671	762	(91)	(11.94)

Lợi nhuận sau thuế của Quý 3 năm 2022 theo BCTC hợp nhất tăng 16,1 % so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân : Công ty con (Công ty TNHH Thủy Sản Aoki) Q3/2021 lỗ, Q3/2022 có lãi do: Quý 3/2021 là thời điểm dịch Covid 19 bùng phát , công ty không đủ điều kiện để duy trì SẢN XUẤT TẠI CHỖ, do đó phải tạm ngưng hoạt động gần như cả quý 3 để phòng chống dịch , nên phát sinh chi phí mà không có doanh thu nên bị lỗ . Quý 3/2022, tình hình sản xuất tương đối ổn định , nguồn nguyên liệu đánh bắt khai thác dồi dào, giá bán sản phẩm tốt hơn so cùng kỳ .

Dưới đây là thông tin chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 3 năm 2022 của công ty con – Công ty TNHH Thủy sản Aoki:

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ báo cáo		Chênh lệch	Tỷ lệ (%)
		Quý 3/2022	Quý 3/2021		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	92,372,937,371	29,259,274,409	63,113,662,962	215.70
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		280,962,528	(280,962,528)	(100.00)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	92,372,937,371	28,978,311,881	63,394,625,490	218.77
4. Giá vốn hàng bán	11	84,180,164,261	28,709,108,140	55,471,056,121	193.22
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20	8,192,773,110	269,203,741	7,923,569,369	2,943.34

vụ (20=10 - 11)					
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	588,148,722	276,541,326	311,607,396	112.68
7. Chi phí tài chính	22	619,936,769	839,627,223	(219,690,454)	(26.17)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	578,365,769	830,568,973	(252,203,204)	(30.37)
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			-	
9. Chi phí bán hàng	25	5,780,686,575	1,508,943,845	4,271,742,730	283.09
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,568,428,870	989,606,207	578,822,663	58.49
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)- (25+26)}	30	811,869,618	(2,792,432,208)	3,604,301,826	129.07
12. Thu nhập khác	31		15,454,546	(15,454,546)	(100.00)
13. Chi phí khác	32	287,500,211	1,352,340,385	(1,064,840,174)	(78.74)
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(287,500,211)	(1,336,885,839)	1,049,385,628	78.49
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	524,369,407	(4,129,318,047)	4,653,687,454	112.70
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	524,369,407	(4,129,318,047)	4,653,687,454	112.70

Trên đây là nội dung giải trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Kiên Hùng Quý 3 năm 2022 .

Thông tin trên được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: <http://www.kihuseavn.com/>.


Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT



NGUYỄN NGỌC ANH